

Môn: TOÁN HỌC

I. TRẮC NGHIỆM.

Câu 1. Chọn khẳng định đúng

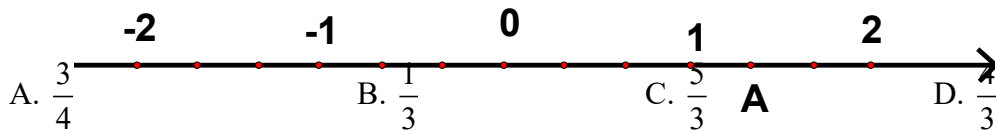
A. $\frac{3}{2} \in \mathbb{Z}$.

B. $\frac{3}{2} \in \mathbb{Q}$.

C. $\frac{-9}{5} \notin \mathbb{Q}$.

D. $-5 \in \mathbb{N}$.

Câu 2. Điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào?



Câu 3. Cách viết nào sau đây là đúng:

A. $|-0,25| = -0,25$

B. $-|-0,25| = -(-0,25)$.

C. $-|-0,25| = 0,25$.

D. $|-0,25| = 0,25$.

Câu 4. Trong các số: $\sqrt{49}$; $\sqrt{\frac{9}{49}}$; $\sqrt{0,9}$; $\sqrt{0,09}$; số vô tỉ là:

A. $\sqrt{49}$.

B. $\sqrt{\frac{9}{49}}$

C. $\sqrt{0,9}$.

D. $\sqrt{0,09}$.

Câu 5. Căn bậc hai số học của $\frac{4}{9}$ là:

A. $\frac{2}{3}$.

B. $\frac{-2}{3}$.

C. $\frac{-4}{9}$.

D. $\frac{16}{81}$.

Câu 6. Phân số nào viết được dưới dạng số thập phân vô hạn tuần hoàn?

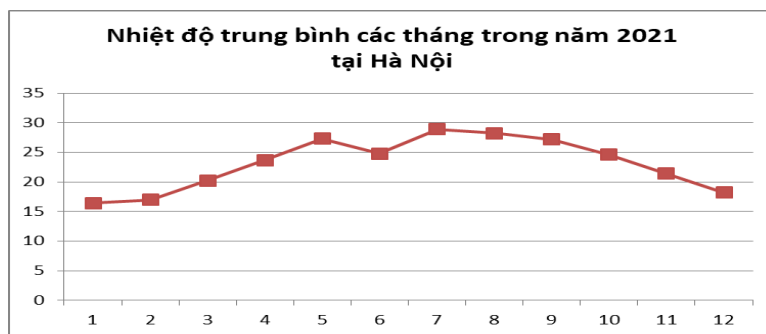
A. $\frac{3}{8}$

B. $\frac{6}{9}$

C. $\frac{17}{25}$

D. $\frac{9}{6}$

Câu 7. Cho biểu đồ sau:



Tháng có nhiệt độ cao nhất là?

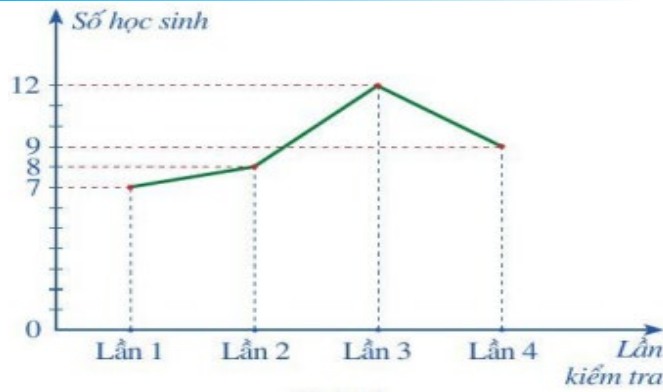
A. Tháng 4;.

B. Tháng 8;.

C. Tháng 5;.

D. Tháng 7.

Câu 8. Biểu đồ đoạn thẳng trong hình bên biểu diễn số học sinh đạt điểm giỏi trong bốn lần kiểm tra môn Toán của lớp 7A: lần 1, lần 2, lần 3, lần 4. Hãy cho biết số học sinh đạt điểm giỏi ở lần kiểm tra thứ ba.



- A. 7 B. 8 C. 9 D. 12

Câu 9. Trong biểu đồ hình quạt tròn biểu thị tỉ lệ phần trăm xếp loại học lực của học sinh khối 7 (hình dưới), với loại: tốt (10%), khá (45%), đạt (25%) và chưa đạt (20%). Hỏi nếu khối 7 có tổng cộng 200 học sinh thì số học sinh khá là:

- A. 90 B. 100 C. 45 D. 55



Câu 10. Quan sát hình vẽ. Cho biết tỉ lệ phần trăm học sinh tham gia bơi lội của khối 7



- A. 10%. B. 20%. C. . 25% D. 30%.

Câu 11. Cho đường thẳng c cắt hai đường thẳng a và b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì:

- A. $a \parallel b$ B. a cắt b
C. a và b không song song D. a trùng với b

Câu 12. Khẳng định nào dưới đây là đúng

- A. Hai góc đối đỉnh thì bù nhau. B. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.
C. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh. D. Hai góc đối đỉnh thì phụ nhau.

Câu 13. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào cho ta một định lý

- A. Hai góc so le trong thì bằng nhau
B. Hai góc bằng nhau thì so le trong
C. Hai đường thẳng cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng vuông góc với nhau.

D. Hai đường thẳng cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.

Câu 14. Qua một điểm ở ngoài một đường thẳng, có bao nhiêu đường thẳng song song với đường thẳng đó?

- A. Không có. B. Có vô số C. Có ít nhất một. D. Chỉ có một.

Câu 15. Chọn câu trả lời đúng.

Trong định lý: "Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia". Ta có giả thiết là:

- A. "Nếu một đường thẳng vuông góc".
B. "Nó cũng vuông góc với đường thẳng kia".

C. Nếu một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì nó cũng vuông góc với đường thẳng kia.

D. "Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song".

Câu 16. Tam giác ABC có $\hat{B} = 70^\circ$, $\hat{C} = 40^\circ$ thì số đo của góc A bằng:

- A. 40° B. 50° C. 80° D. 70°

Câu 17. Cho tam giác ABC vuông tại A, ta có:

- A. $\hat{B} + \hat{C} > 90^\circ$. B. $\hat{B} + \hat{C} < 90^\circ$. C. $\hat{B} + \hat{C} = 90^\circ$. D. $\hat{B} + \hat{C} = 180^\circ$.

Câu 18. Cho $\triangle ABC$ có $\hat{A} = 60^\circ$; $\hat{B} = 55^\circ$. Số đo góc ngoài tại đỉnh C là:

- A. 65° . B. 130° . C. 125° . D. 115° .

Câu 19. Cho $\triangle ABC = \triangle PQR$ có $\hat{A} = 70^\circ$; $\hat{B} = 60^\circ$, góc R có số đo bằng bao nhiêu?

- A. 50° . B. 60° . C. 40° . D. 70° .

Câu 20. Cho $\triangle ABC$ và $\triangle MNP$, biết $\hat{B} = \hat{N}$; $\hat{A} = \hat{P}$. Cần thêm điều kiện gì để $\triangle ABC = \triangle PNM$:

- A. $\hat{C} = \hat{M}$. B. $AB = MP$. C. $AC = MN$. D. $BA = NP$.

II. TỰ LUẬN

DẠNG 1. TÍNH.

Bài 1: Tính hợp lý nếu có thể:

a) $\frac{5}{15} + \frac{14}{25} - \frac{4}{3} + \frac{11}{25}$ b) $(0,25)^{10} \cdot 4^{10} + \sqrt{5^2 - 3^2}$ c) $5 : \left(-\frac{5}{2}\right)^2 + \frac{2}{15}\sqrt{\frac{9}{4}} - (-2018)^0 + 0,25$

d) $3 : \left(\frac{-3}{2}\right)^2 + \frac{1}{9} \cdot \sqrt{36} + 0,75$ f) $\sqrt{\frac{4}{25}} + \left|-\frac{4}{5}\right| - \frac{9}{5} \cdot \left(\frac{-1}{3}\right)^2 + 0,75$ g) $\frac{-8}{3} \cdot \frac{2}{11} - \frac{8}{3} : \frac{11}{9}$

DẠNG 2. Tìm x.

Bài 2: Tìm x

a) $\frac{1}{6} + x = \frac{5}{12}$ b) $\frac{3}{4} + \frac{1}{4}x = \frac{-1}{2}$ d) $\frac{1}{5} + \frac{4}{5} \cdot x = \frac{3}{4}$ e) $\frac{8}{5} - \frac{3}{5} : x = 0,4$

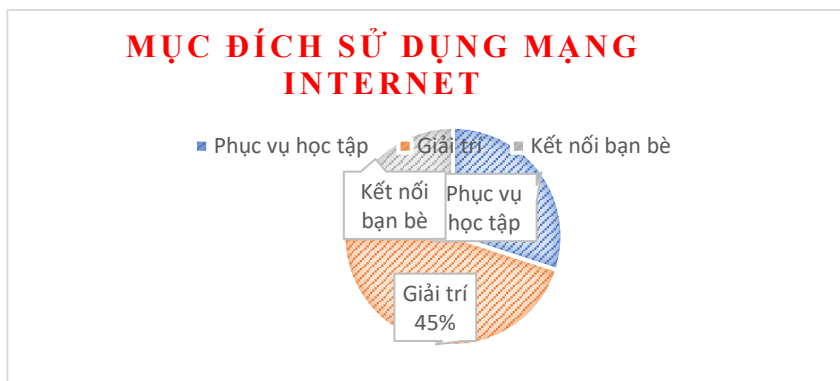
g) $(x-1)^3 = \frac{1}{8}$ f) $|2-2x|-3,75 = (-0,5)^2$ g) $\sqrt{x-2} + \frac{1}{3} = 1$

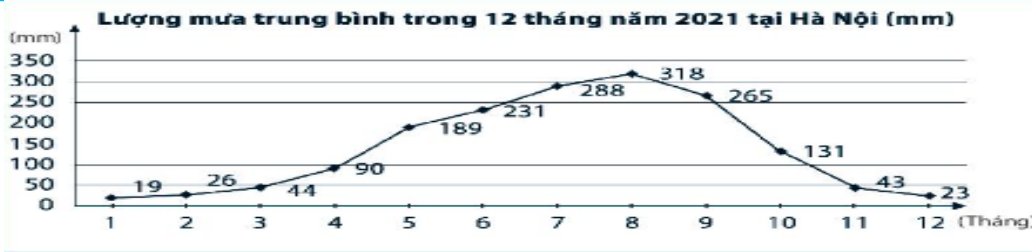
DẠNG 3. THU THẬP VÀ BIỂU DIỄN DỮ LIỆU.

Bài 3: Kết quả khảo sát về mục đích vào mạng sử dụng internet của các học sinh trường A được cho bằng biểu đồ dưới đây:

- a) Lập bảng thống kê biểu diễn tỉ lệ học sinh cấp THCS theo mục đích vào mạng internet?
b) Trong 500 học sinh trường A vào mạng internet, có bao nhiêu em vào với mục đích học tập?

Bài 4. Quan sát biểu đồ dưới đây và trả lời câu hỏi:





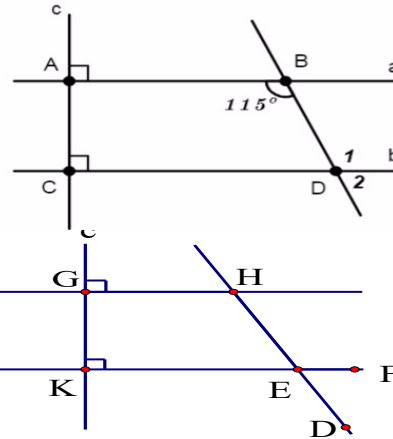
(Nguồn: <https://kenhthoitiets.vn/>)

- a) Biểu đồ biểu diễn các thông tin về vấn đề gì?
b) Tháng nào có số liệu cao nhất? Tháng nào có số liệu thấp nhất?

DẠNG 4. HÌNH HỌC.

Bài 5. Cho hình vẽ

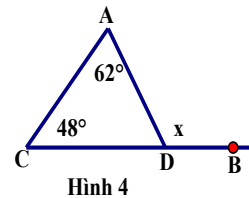
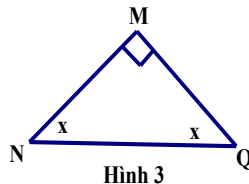
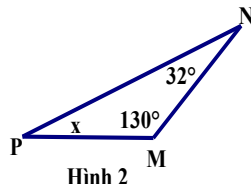
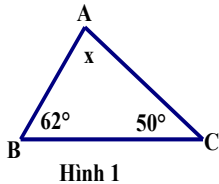
- a) Chứng tỏ $a \parallel b$
b) Tính $\widehat{D_1}$ và $\widehat{D_2}$



Bài 6. Cho hình vẽ: Biết $\widehat{HEF} = 120^\circ$

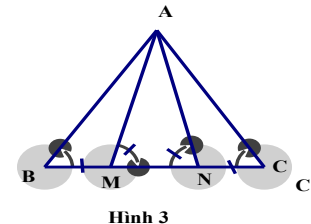
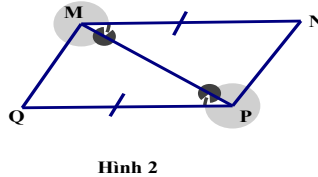
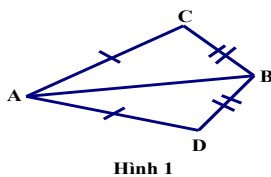
- a) Chứng tỏ rằng $a \parallel b$ b) Tính số đo của $\widehat{GHE}$?
c) Vẽ Hx và Ey lần lượt là tia phân giác của $\widehat{GHE}$ và $\widehat{HEF}$. Chứng minh $Hx \parallel Ey$

Bài 6: Tìm số đo x trong các hình vẽ sau:



Bài 7: Cho hình vẽ: Hình 1, hình 2, hình 3. Chứng minh:

- a) $\triangle ABC = \triangle ABD$ b) $\triangle MNP = \triangle PQM$ c) $\triangle AMB = \triangle ANC$



Bài 8: Cho $\triangle ABC$ có $AB = AC$. Gọi M là trung điểm của cạnh BC. Chứng minh:

- a) AM là phân giác của $\widehat{BAC}$ b) $AM \perp BC$.

Bài 9: Cho $\triangle ABD$, M là trung điểm của BC. Trên tia đối của tia MA lấy điểm E sao cho $ME = MA$. Chứng minh: a) $\triangle ABM = \triangle ECM$. b) $AB = CE$ c) $AC \parallel BE$

Bài 10: Cho tam giác ABC vuông tại A, kẻ BD là phân giác của $\angle ABC$ ($D \in AC$). Trên đoạn BC lấy điểm E sao cho $AB = BE$. Chứng minh: a) $AD = DE$

b) Trên tia đối của tia AB lấy điểm F sao cho $AF = EC$. Chứng minh $BD \perp FC$

c) Chứng minh $AE \parallel FC$ d) Chứng minh 3 điểm D, E, F thẳng hàng.

DẠNG 5. TOÁN THỰC TẾ

Bài 12. Định mức giá điện sinh hoạt năm 2022 như sau:

Số điện (kWh)	Giá bán điện (đồng/kWh)
Bậc 1: Từ 0 – 50 kWh	1 678
Bậc 2: Từ 51 – 100 kWh	1 734
Bậc 3: Từ 101 – 200 kWh	2 014
Bậc 4: Từ 201 – 300 kWh	2 536
Bậc 5: Từ 301 – 400 kWh	2 834
Bậc 6: Từ 401 kWh trở lên	2 927

Tiền điện = số kWh tiêu thụ x giá tiền / kWh (theo bậc)

Thuế GTGT (10%) = tiền điện x 10%

Tổng cộng tiền phải trả = tiền điện + thuế GTGT

Trong tháng 10/2022, nhà bạn Mai sử dụng hết 143kWh điện. Tính tiền điện nhà bạn Mai phải trả (làm tròn đến hàng đơn vị).

Bài 13. Sau một năm thực hiện đề án phổ cập bơi, người ta tiến hành thu thập dữ liệu về kỹ năng bơi của học sinh của một trường học, kết quả như sau:

Tình trạng	Bơi thành thạo	Biết bơi nhưng chưa thành thạo	Chưa biết bơi
Số học sinh	250	175	75

a) Hãy phân loại các dữ kiện có trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

b) Tính tỉ lệ phần trăm số học sinh mỗi loại so với tổng số học sinh tham gia khảo sát.

Bài 14: Một cửa hàng bán quần áo có chương trình khuyến mãi như sau: Khách hàng có thẻ thành viên sẽ được giảm 15% tổng số tiền của hóa đơn. Bạn Bình có thẻ thành viên, bạn mua hai chiếc áo sơ mi, mỗi áo đều có giá 200 000 đồng và một quần Jeans với giá 350 000 đồng. Bạn đưa cho người thu ngân 1 triệu đồng. Hỏi bạn Bình được trả lại bao nhiêu tiền?

Bài 15: a) Tìm GTLN của biểu thức $A = \frac{5-x^2}{x^2+3}$

b) Tìm GTLN của biểu thức sau $B = |x-2022| + |x-1|$

c) Cho $C = 3 - 3^2 + 3^3 - 3^4 + 3^5 - 3^6 + \dots + 3^{23} - 3^{24}$. Chứng minh C chia hết cho 420

d) Tìm các giá trị nguyên của x sao cho $A = \frac{3x-2}{x+2}$ đạt giá trị nguyên nhỏ nhất.

e) Tìm x và y biết $(x-1)^{2022} + (\sqrt{y-2})^{2023} = 0$

Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Phần I – Lý thuyết

Chương I – Nguyên tử. Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (Bài 2-3-4)

Chương II – Phân tử. Liên kết hóa học (Bài 5-6-7)

Chương III – Tốc độ (Bài 8-9-10-11)

Chương IV – Âm thanh (Bài 12-13-14)

Phần II – Bài tập

I – Tự luận

Câu 1: Nêu ý nghĩa của tốc độ, Nêu một số đơn vị đo tốc độ thường dùng.

Câu 2: Đổi đơn vị:

a, 7,2 m/s =km/h =km/phút

b, 108 km/ph =km/h =m/s

c, 27 m/phút =km/h

d, 32,4 km/h = m/s

Câu 3: Một người công nhân đạp xe đều trong 20 phút đi được 3 km.

a. Tính vận tốc của người đó ra m/s và km/h

b. Biết quãng đường từ nhà đến xí nghiệp là 3600m. Hỏi người đó đi từ nhà đến xí nghiệp hết bao nhiêu phút?

c. Nếu đạp xe liên tục trong 2 giờ thì người này từ nhà về tới quê mình. Hỏi quãng đường từ nhà đến quê dài bao nhiêu km?

Câu 4: Nêu dạng đồ thị quãng đường của chuyển động có tốc độ không đổi?

Câu 5: Một người đi xe đạp sau khi đi được 15 km với tốc độ 20 km/h thì dừng lại để sửa xe trong 45 phút, sau đó đi tiếp 12km với tốc độ 12 km/h. Hãy vẽ đồ thị quãng đường – thời gian của người đi xe đạp.

Câu 6: Vật thứ nhất trong 25 giây thực hiện được 2000 dao động. Vật thứ hai trong 10 giây thực hiện 180 dao động.

a) Tìm tần số dao động của mỗi vật.

b) Vật nào phát ra âm cao hơn? Vì sao?

c) Tại người có thể nghe được âm do vật nào phát ra? Tại sao?

II- TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Để học tốt môn KHTN chúng ta cần thực hiện và rèn luyện các kĩ năng nào?

A. Quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo.

B. Phân loại, liên kết, đo, dự báo, viết báo cáo, thuyết trình.

C. Lắng nghe, phân loại, liên kết, viết báo cáo, thuyết trình.

D. Quan sát, phân loại, liên kết, đo, dự báo, viết báo cáo, thuyết trình.

Câu 2: Al là kí hiệu hóa học của nguyên tố:

A. Aluminium

B. Calcium

C. Magnesium

D. Carbon

Câu 3: Nguyên tố hóa học là gì?

A. Nguyên tố hóa học là những nguyên tử có cùng số hạt proton trong hạt nhân.

B. Nguyên tố hóa học là những nguyên tử có cùng số hạt electron trong hạt nhân.

C. Nguyên tố hóa học là những nguyên tử có cùng số hạt neutron trong hạt nhân.

D. Nguyên tố hóa học là những nguyên tử có cùng số khối trong hạt nhân.

Câu 4: Các nguyên tố hóa học trong bảng tuần hoàn được sắp xếp theo nguyên tắc nào?

A. Theo chiều tăng dần của nguyên tử khối.

B. Theo chiều tăng dần của phân tử khối.

C. Theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân.

D. Theo chiều tăng số lớp electron trong nguyên tử.

Câu 5: Đơn chất là chất tạo nên từ

A. một chất.

B. một nguyên tố hoá học.

C. một nguyên tử.

D. một phân tử.

Câu 6: Hợp chất là những chất được tạo nên từ bao nhiêu nguyên tố hoá học?

A. chỉ có 1 nguyên tố.

B. chỉ từ 2 nguyên tố.

C. chỉ từ 3 nguyên tố.

D. từ 2 nguyên tố trở lên.

Câu 7: Trong phân tử hydrogen (H_2), hai nguyên tử hydrogen liên kết với nhau, chúng

A. góp chung proton.

B. chuyển electron từ nguyên tử này sang nguyên tử kia.

C. chuyển proton từ nguyên tử này sang nguyên tử kia.

D. góp chung electron.

Câu 8: Đơn chất oxygen bao gồm các phân tử chứa hai nguyên tử oxygen. Công thức hoá học của đơn chất oxygen là

A. O.

B. O^2 .

C. O_2 .

D. O2.

Câu 9: Công thức tính tốc độ là:

A. $v = s.t$

B. $v = \frac{t}{s}$

C. $v = \frac{s}{t}$

D. $v = \frac{s}{t^2}$

Câu 10: Các bước đo khi dùng đồng hồ bấm giây là:



1. Dùng thước đo độ dài quãng đường s. Xác định vạch xuất phát và vạch đích.
2. Dùng đồng hồ bấm giây đo thời gian t từ khi vật bắt đầu chuyển động từ vạch xuất phát cho đến khi tới vạch đích.
3. Lập bảng ghi kết quả đo, tính trung bình quãng đường và thời gian trong các lần đo, sau đó tính tốc độ.
4. Nhận xét kết quả đo.
5. Dùng công thức $v = \frac{s}{t}$.

Trình tự các bước đo đúng được sắp xếp:

- A. 1-2-3-4-5. B. 1-2-3-5-4. C. 3-4-2-1-5. D. 2-1-4-3-5.

Câu 11: Đơn vị của tần số là:

- A. mét (m). B. hec (Hz). C. giờ (h). D. gam (g).

Câu 12: Khi nào ta nghe thấy âm nhỏ?

- A. Khi sóng âm có tần số thấp. B. Khi sóng âm có tần số cao.
C. Khi sóng âm có biên độ lớn. D. Khi sóng âm có biên độ nhỏ.

Câu 13: Vật phản xạ âm kém là

- A. tấm gỗ nhẵn B. tấm xốp mềm
C. tấm kim loại D. tấm gương phẳng

Câu 14: Trong hiện tượng phản xạ ánh sáng, góc phản xạ là góc

- A. tạo bởi tia tới và pháp tuyến. B. tạo bởi tia phản xạ và pháp tuyến.
C. tạo bởi tia tới và tia phản xạ D. tạo bởi gương và tia tới.

Câu 15: Ảnh tạo bởi gương phẳng có tính chất sau:

- A. là ảnh ảo không hứng được trên màn chắn.
B. là ảnh ảo hứng được trên màn chắn.
C. là ảnh thật hứng được trên màn chắn.
D. là ảnh thật không hứng được trên màn chắn.

Bài 8. TỐC ĐỘ CHUYỂN ĐỘNG

Câu 16: Công thức tính tốc độ chuyển động là:

- A. $v = s \cdot t$ B. $v = \frac{s}{t}$ C. $v = \frac{t}{s}$ D. $v = \frac{s}{t^2}$

Câu 17: Tốc độ chuyển động của vật có thể cung cấp cho ta thông tin gì về chuyển động của vật?

- A. Cho biết hướng chuyển động của vật.
B. Cho biết vật chuyển động theo quỹ đạo nào.
C. Cho biết vật chuyển động nhanh hay chậm.
D. Cho biết nguyên nhân vì sao vật lại chuyển động được.

Câu 18: Đơn vị của tốc độ là:

- A. m.h B. km/h C. m.s D. s/km

Câu 19: Một người đi xe máy trong 6 phút được quãng đường 4km. Tốc độ chuyển động của người đó là:

- A. $v = 40\text{km/s}$.
B. $v = 400\text{m/min}$.
C. $v = 4\text{km/min}$.
D. $v = 11,1\text{m/s}$.

Câu 20: Ba bạn An, Bình, Đông học cùng lớp. Khi tan học, ba bạn đi cùng chiều trên đường về nhà. Tốc độ của An là 6,2 km/h, của Bình là 1,5 m/s, của Đông là 72 m/min. Kết luận nào sau đây là đúng?

- A. Bạn An đi chậm nhất.
B. Bạn Bình đi chậm nhất.
C. Bạn Đông đi chậm nhất.
D. Ba bạn đi nhanh như nhau.

Câu 21: Bạn Linh đi xe đạp từ nhà đến trường, trong 20min đầu đi được đoạn đường dài 6km. Đoạn đường còn lại dài 8km đi với tốc độ 12km/h. Tốc độ đi xe đạp của bạn Linh trên cả quãng đường từ nhà đến trường là

- A. 15km/h. B. 14km/h. C. 7,5km/h. D. 7km/h.

BÀI 9: ĐO TỐC ĐỘ

Câu 21: Để đo tốc độ của một người chạy cự li ngắn, ta cần những dụng cụ đo nào?

- A. Thước cuộn và đồng hồ bấm giây
- B. Thước thẳng và đồng hồ treo tường
- C. Đồng hồ đo thời gian hiện số kết nối với công quang điện.
- D. Công quang điện và đồng hồ bấm giây.

Câu 22: Để xác định tốc độ của một vật đang chuyển động, ta cần biết những đại lượng nào?

- A. Thời gian và vật chuyển động
- B. Thời gian chuyển động của vật và vạch xuất phát
- C. Thời gian chuyển động của vật và vạch đích
- D. Thời gian chuyển động của vật và quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian đó.

Câu 23: Ưu điểm của đo tốc độ dùng đồng hồ bấm giây là gì?

- A. Cảm tính, dễ sử dụng
- B. Dễ sử dụng, tiện lợi
- C. Tiện lợi, có độ trễ
- D. Cảm tính và có độ trễ

Câu 24: Camera của thiết bị bắn tốc độ ghi và tính được thời gian ô tô chạy từ vạch mốc 1 sang vạch mốc 2 cách nhau 5 m là 0,35 s.

Tốc độ của ô tô khoảng

- A. 2m/s
- B. 5m/s
- C. 14m/s
- D. 28m/s

Câu 25: Một bạn đo tốc độ đi bộ trên sân trường bằng cách:

- Đếm bước chân đi hết chiều dài sân;
- Đo thời gian bằng đồng hồ bấm giây;
- Tính tốc độ bằng công thức $v = s/t$

Biết số bước chân bạn đó đếm được là 120 bước, mỗi bước trung bình dài 0,5 m và thời gian đi là 50 s. Tốc độ của bạn đó là?

- A. 1,2 m/s.
- B. 3,6 m/s.
- C. 4,8 m/s.
- D. 2,4 m/s.

Bài 10: ĐỒ THỊ QUÃNG ĐƯỜNG – THỜI GIAN

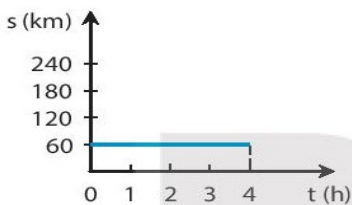
Câu 26: Đồ thị của chuyển động có tốc độ không đổi là một đường

- A. thẳng
- B. cong
- C. Zíc zắc
- D. không xác định

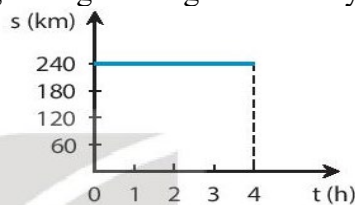
Câu 27: Bảng dưới đây mô tả chuyển động của một ô tô trong 4 h.

Thời gian (h)	1	2	3	4
Quãng đường (km)	60	120	180	240

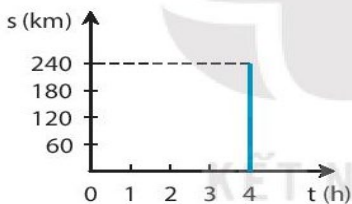
Hình vẽ nào sau biểu diễn đúng đồ thị quãng đường – thời gian của chuyển động trên?



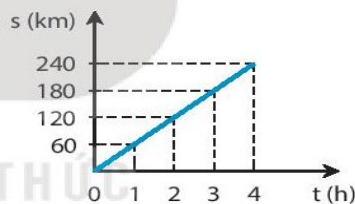
A.



B.

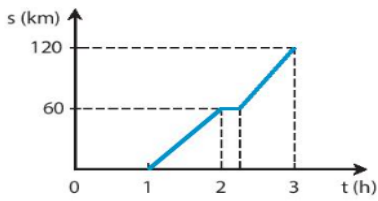


C.

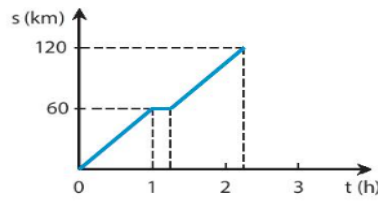


D.

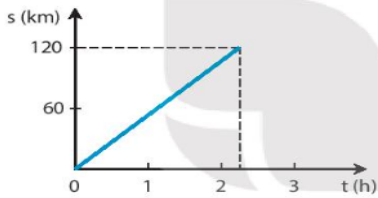
Câu 28: Lúc 1h sáng, một đoàn tàu hỏa chạy từ ga A đến ga B với tốc độ 60 km/h đến ga B lúc 2 h và đứng ở ga B 15 min. Sau đó đoàn tàu tiếp tục chạy với tốc độ cũ thì đến ga C lúc 3h 15 min. Hình vẽ nào sau đây biểu diễn đúng đồ thị quãng đường – thời gian của đoàn tàu nói trên?



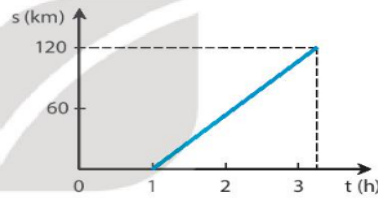
A.



B.



C.



D.

BÀI 11. THẢO LUẬN VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA TỐC ĐỘ TRONG AN TOÀN GIAO THÔNG

Câu 29: Ô tô chạy trên đường cao tốc có biển báo tốc độ như trong Hình 11.2 với tốc độ V nào sau đây là an toàn?



Hình 11.2 Biển báo trên đường cao tốc:
Tốc độ tối đa khi không có mưa: 120 km/h
Tốc độ tối đa khi có mưa: 100 km/h

- A. Khi trời nắng: $100 \text{ km/h} < V < 120 \text{ km/h}$.
- B. Khi trời mưa: $100 \text{ km/h} < V < 120 \text{ km/h}$.
- C. Khi trời mưa: $100 \text{ km/h} < V < 110 \text{ km/h}$.
- D. Khi trời nắng: $V > 120 \text{ km/h}$

Câu 30: <VD>Dùng quy tắc “3 giây” để ước tính khoảng cách an toàn khi xe chạy với tốc độ 68 km/h.

- A. 56.67 m
- B. 68m
- C. 32m
- D. 46.6m

Câu 31: Khoảng cách an toàn đối với ô tô chạy với tốc độ 25 m/s là bao nhiêu?

- A. 35 m
- B. 55 m
- C. 70 m
- D. 100 m

Tốc độ lưu hành (km/h)	Khoảng cách an toàn tối thiểu (m)
$v = 60$	35
$60 < v < 80$	55
$80 < v < 100$	70
$100 < v < 120$	100

BÀI 12: SÓNG ÂM

Câu 32: Nguồn âm là:

- A. các vật dao động phát ra âm.
- B. các vật chuyển động phát ra âm.
- C. năng lượng nhiệt.
- D. Sóng.

B. các vật chuyển

C. vật có dòng điện chạy qua.

D. vật phát ra

Câu 33: Chuyển động qua lại quanh một vị trí cân bằng được gọi là

A. Chuyển động.

B. Dao động.

D. Chuyển động lặp lại.

Câu 34: Khi bác bảo vệ gõ trống, tai ta nghe thấy tiếng trống. Vật nào đã phát ra âm đó?

A. Tay bác bảo vệ gỗ trống.

B. Dùi trống.

C. Mặt trống.

D. Không khí xung quanh trống.

Câu 35: Sóng âm **không** truyền được trong môi trường.

A. chất rắn.

B. chất lỏng.

C. chất khí.

D. chân không.

Câu 36: Người ta so sánh tốc độ truyền âm trong các môi trường chất rắn (vr), chất lỏng (vl), chất khí (vk). Kết quả so sánh nào sau đây là đúng?

> vk .

B. vk > vl > vr.

A. vr > vl

vl.

D. vk > vr > vl.

C. vr > vk >

Câu 37: Ở

cùng nhiệt độ, tốc độ truyền âm trong môi trường nào dưới đây là nhỏ nhất?

A. Dầu ăn.

B. Khí Oxi.

C. Nước sinh hoạt.

D. Thanh thép.

BÀI 13: ĐỘ TO VÀ ĐỘ CAO CỦA ÂM

Câu 38: Trong các đơn vị sau đây đơn vị nào là đơn vị tần số dao động?

A. m/s. B. Hz. C. mm. D. kg.

Câu 39: Độ cao của âm phụ thuộc vào yếu tố nào của dao động ?

A. Vận tốc.

B. Tần số.

C. Năng lượng.

D. Biên độ.

Câu 40: Trên cùng một quãng tám, trong các âm La, Sol, Mi, Re, tần số dao động của âm nào là nhỏ nhất?



A. Re. B. Sol. C. Mi. D. La..

Câu 41. Một vật thực hiện được 6000 dao động trong 2 phút. Tần số dao động của vật:

A. 50Hz.

B. 3000Hz.

C. 5Hz.

D. 12000Hz

Câu 42. Vật nào sau đây phát ra âm nghe cao nhất?

A. Vật dao động 1600 lần trong 0,5 giây.

B. Vật dao động 600 lần trong 1 phút.

C. Vật dao động 2000 lần trong 1 giây.

D. Vật dao động 60 lần trong 0,02 giây.

BÀI 14: PHẢN XẠ ÂM- CHỐNG Ô NHIỄM TIẾNG ỒN

Câu 43: Trong những vật sau đây: Miếng xốp, ghế nệm mút, mặt gương, tấm kim loại, áo len, cao su xốp, mặt đá hoa, tường gạch. Vật phản xạ âm tốt là:

A. miếng xốp, ghế nệm mút, mặt gương.

B. tấm kim loại, áo len, cao su.

C. mặt gương, tấm kim loại, mặt đá hoa, tường gạch.

D. miếng xốp, ghế nệm mút, cao su xốp.

Câu 44: Âm phản xạ là:

A. Âm dội lại khi gặp vật chắn.

B. Âm truyền đi qua vật chắn.

C. Âm đi vòng qua vật chắn.

D. Các loại âm trên

Câu 45 : Ta có thể nghe thấy tiếng vang khi:

A. Âm phản xạ đến tai ta trước âm phát ra.

B. Âm trực tiếp đến sau âm phản xạ thời gian ngắn nhất 1/15 giây.

C. Âm phát ra và âm phản xạ đến tai ta cùng một lúc.

D. Âm phản xạ đến sau âm trực tiếp thời gian ngắn nhất 1/15 giây.

Môn: NGỮ VĂN

Phần 1: Truyện ngắn/Thơ 4 chữ, 5 chữ/

*** Nhận biết:**

- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản; ngôi kể, đặc điểm của lời kể, sự thay đổi ngôi kể; tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn.
- Nhận biết được đặc điểm của thơ: thể thơ, từ ngữ, vần nhịp, bố cục, những hình ảnh tiêu biểu; các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong thơ.
- Nhận biết được biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản.
- Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); các thành phần của câu (thành phần câu được mở rộng)
- Xác định được nghĩa của từ.

*** Thông hiểu:**

- Tóm tắt được cốt truyện; nêu được chủ đề, thông điệp của văn bản; hiểu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu và cách kể; phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại.
- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ; rút ra chủ đề, thông điệp của tác phẩm; phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần nhịp, biện pháp tu từ
- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, một số yếu tố Hán Việt; công dụng của dấu chấm lửng...

*** Vận dụng:**

- Thể hiện được ý kiến, quan điểm về những vấn đề đặt ra trong ngữ liệu.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm.
- Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân.
- Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu.

Phần 2. Viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học
- Thông hiểu: Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức
- Vận dụng: Viết được bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ nhân vật phân tích.
- Vận dụng cao: Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.

Phần 3: Viết bài văn biểu cảm.

- Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề bài về kiểu bài viết nêu cảm nghĩ về người hoặc sự việc
- Thông hiểu: Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức
- Vận dụng: Viết được bài văn biểu cảm. Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, sinh động, giàu cảm xúc.

II. Minh họa đề thi kì 1 Văn 7

ĐỀ SỐ 1

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

GIÁ TRỊ CỦA HÒN ĐÁ

Có một học trò hỏi thầy mình rằng:

- Thưa thầy, giá trị của cuộc sống là gì ạ?

Người thầy lấy một hòn đá trao cho người học trò và dặn:

- Con đem hòn đá này ra chợ nhưng không được bán nó đi, chỉ cần để ý xem người ta trả giá bao nhiêu.

Vâng lời thầy, người học trò mang hòn đá ra chợ bán. Mọi người không hiểu tại sao anh lại bán một hòn đá xấu xí như vậy. Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng. Người học trò mang hòn đá về và than thở:

- Hòn đá xấu xí này chẳng ai thèm mua. Cũng may có người hỏi mua với giá một đồng thầy ạ.

Người thầy mỉm cười và nói:

- Tốt lắm, ngày mai con hãy mang hòn đá vào tiệm vàng và bán cho chủ tiệm, nhớ là dù chủ cửa hàng vàng có mua thì cũng không được bán.

Người học trò rất bất ngờ khi chủ tiệm vàng trả giá hòn đá là 500 đồng. Anh háo hức hỏi thầy tại sao lại như vậy. Người thầy cười và nói:

- Ngày mai con hãy đem nó đến chỗ bán đồ cổ. Nhưng tuyệt đối đừng bán nó, chỉ hỏi giá mà thôi.

Làm theo lời thầy dặn, sau một hồi xem xét thì anh vô cùng ngạc nhiên khi chủ hiệu trả giá hòn đá là cả gia sản hiện có. Anh vẫn nhất quyết không bán và vội về kể lại với thầy. Lúc này người thầy mới chậm rãi nói:

- Hòn đá thực chất chính là một khối ngọc cổ quý giá, đáng cả một gia tài, và giá trị cuộc sống cũng giống như hòn đá kia, có người hiểu và có người không hiểu. Với người không hiểu và không thể cảm nhận thì giá trị cuộc sống chẳng đáng một xu, còn với người hiểu thì nó đáng giá cả một gia tài. Hòn đá vẫn vậy, cuộc sống vẫn thế, điều duy nhất tạo nên sự khác biệt là sự hiểu biết của con và cách con nhìn nhận cuộc sống.

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là:

- A. Biểu cảm
- B. Miêu tả
- C. Tự sự
- D. Nghị luận

Câu 2. Chủ đề của văn bản trên là:

- A. Giá trị cuộc sống
- B. Lòng biết ơn
- C. Đức tính trung thực
- D. Lòng hiếu thảo

Câu 3. Câu chuyện trong tác phẩm là lời kể của ai?

- A. Người học trò
- B. Người kể chuyện
- C. Hòn đá
- D. Người thầy

Câu 4. Vì sao người thầy trong câu chuyện lại yêu cầu học trò của mình mang hòn đá xấu xí đi hỏi giá mà lại không bán?

- A. Để người học trò hiểu được giá trị to lớn của hòn đá.
- B. Để người học trò biết được hòn đá là một viên ngọc quý, tuyệt đối không được bán.
- C. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá thông qua cách định giá của những người hiểu và không hiểu về nó, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận về cuộc sống.
- D. Để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá. Tuy bề ngoài xấu xí nhưng thực chất nó là một khối ngọc quý đáng giá cả một gia tài.

Câu 5. Những từ nào sau đây là từ láy bộ phận?

- A. Xem xét, nhìn nhận, xấu xí
- B. Than thở, xem xét, háo hức
- C. Háo hức, xem xét, nhìn nhận
- D. Xấu xí, than thở, háo hức

Câu 6. Chi tiết tiêu biểu trong văn bản trên là:

- A. Hòn đá
- B. Người học trò
- C. Người thầy
- D. Chủ tiệm đồ cổ

Câu 7. Cụm từ *ngồi cả ngày* trong câu văn: *Ngồi cả ngày, một người bán rong thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá một đồng* là thành phần mở rộng câu bởi?

- A. Trạng ngữ
- B. Cụm danh từ
- C. Cụm động từ
- D. Cụm tính từ

Câu 8. Tác dụng của điệp từ *bán, mua* trong văn bản trên có tác dụng gì?

- A. Thể hiện công việc mà người học trò phải làm theo lời dặn của thầy, qua đó phê phán sự thiếu chủ động, thiếu tích cực trong cách sống, cách làm việc của cậu học trò.
- B. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy để người học trò nhận ra giá trị của hòn đá, từ đó rút ra bài học về cách nhìn nhận cuộc sống.
- C. Thể hiện sự thiếu chủ động, tích cực của người học trò trong học tập và cuộc sống.
- D. Thể hiện công việc của người học trò làm theo lời dặn của thầy, qua đó nhấn mạnh giá trị của hòn đá.

Câu 9. Thông điệp mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản trên là gì?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn nêu cảm nghĩ về một người mà em yêu quý nhất.

ĐỀ 02:

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

MÈO ĂN CHAY

Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vô bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.

Một hôm, mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh và nói rằng từ nay nó không bắt chuột nữa vì nó tu hành nên kiêng ăn thịt sống, kiêng sát sinh. Lúc đầu, đàn chuột nửa tin, nửa ngờ. Nhưng mấy ngày sau vẫn thấy mèo ngồi niệm Phật và chỉ ăn rau. Có con thử lại gần mà mèo cũng không vô nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật. Vì thế, đàn chuột thường nhờn nhờ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.

Một buổi tối, cả đàn lại xếp hàng một đi qua chỗ mèo già ngồi để vào hang. Mèo ta biết thế, liền cho đàn chuột chui vào hang chỉ còn lại con cuối cùng, liền vô lấy nuốt chửng. Hôm đầu, thấy thiếu một con thì chúng đâm hoang mang. Con chuột đầu đàn nghi là mèo già bắt, hôm ấy thử đi ở cuối cùng xem sự thể ra sao.

Mèo ta nhe răng, giơ vuốt ra vô, chuột đầu đàn chỉ kịp kêu thét lên báo cho cả đàn rồi cũng bị mèo nuốt chửng.

Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chó có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.
(<https://thuvienpdf.com/chi-tiet-tang-thu-vien/133/PO-meo-an-chay>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? (Biết)

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Kết hợp nhiều ngôi kể

Câu 2: Nhân vật chính trong truyện là mèo già. Đúng hay sai? (Biết)

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 3: Trong câu văn: “*Có một con mèo già, chậm chân, mắt mờ không vô bắt được chuột nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà.*” có mấy phó từ chỉ số lượng? (Biết)

- A. Một
- B. Hai
- C. Ba
- D. Bốn

Câu 4: Sắp xếp các sự việc sau theo trình tự hợp lí? (Hiểu)

- (1) Cả bảy chuột hoang mang, chuột đầu đàn thử đi cuối cùng để kiểm chứng và cũng bị mèo già tóm gọn.
 - (2) Mèo già không bắt được chuột, bèn nghĩ ra cách giả vờ ăn chay.
 - (3) Từ đó, đàn chuột không dám tin lời những kẻ độc ác, giả nhân giả nghĩa.
 - (4) Một hôm, mèo già vờ lấy con chuột cuối đàn.
 - (5) Đàn chuột thường nhón nhờ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa.
- A. (2) – (5) – (4) – (1) – (3)
 - B. (1) – (5) – (4) – (3) – (2)
 - C. (4) – (3) – (2) – (1) – (5)
 - D. (5) – (2) – (4) – (1) – (3)

Câu 5: Hành động “mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh mấy ngày liền” nhằm mục đích gì? (Hiểu)

- A. Để sám hối tội lỗi
- B. Để giết thời gian
- C. Để đánh lừa bảy chuột
- D. Để rình con mồi

Câu 6: Việc đàn chuột thường nhón nhờ đi lại cạnh mèo già, không còn lo bị mèo ăn thịt nữa cho thấy thái độ gì của đàn chuột? (Hiểu)

- A. Chủ quan
- B. Tự tin
- C. Thiếu cảnh giác
- D. Kiêu ngạo

Câu 7: Từ “sám hối” trong câu văn: “Có con thử lại gần mà mèo cũng không vồ nên chúng tin là mèo già tụng kinh, sám hối thật” được hiểu như thế nào? (Hiểu)

- A. Thù nhận tội lỗi đã gây ra
- B. Ăn năn tội lỗi đã gây ra
- C. Lo lắng về tội lỗi đã gây ra
- D. Xấu hổ về tội lỗi đã gây ra

Câu 8: Thành ngữ “giả nhân giả nghĩa” trong câu văn: “Từ đó lũ chuột luôn nhắc rằng chó có bao giờ tin những kẻ độc ác giả nhân giả nghĩa mà thiệt mạng.” nói đến điều gì? (Hiểu)

- A. Giả vờ tỏ ra tử tế, nhân nghĩa
- B. Nói những điều không đúng sự thật
- C. Có tình đánh lừa người khác
- D. Che đậy việc làm sai trái

Câu 9: Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện trên? (Vận dụng)

Câu 10: Em có đồng tình với việc làm của mèo già trong câu chuyện không? Vì sao? (Vận dụng)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật trong một câu chuyện mà em yêu thích nhất

ĐỀ 03

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THỎ VÀ RÙA

Ngày xưa, thỏ lúc nào cũng cười mũi con rùa về sự chậm chạp. Nhưng rùa thì dẫn lòng trước sự khoe khoang của thỏ.

Một hôm, trước đông đủ bá thú, rùa thách thỏ chạy thi. Thỏ trả lời:

– Đừng có đùa dai! Bạn không biết là tôi có thể chạy cả chục vòng quanh bạn hay sao.

Rùa mỉm cười:

– Không cần nhiều lời. Muốn biết ai nhanh thì cứ việc thi.

Thế là trường đua được vạch ra. Con cáo làm trọng tài. Nó hú ba tiếng là cuộc thi bắt đầu.

Thoắt một cái, con thỏ đã biến mất. Con rùa cứ chậm chạp bước theo. Các thú khác ở dọc đường cổ võ.

Một lúc sau, thỏ đứng lại đợi rùa, nhân tiện điếu chơi cho đỡ ghét. Đợi một lúc mà rùa vẫn chưa tới. Thỏ vừa thêm thiếp vừa lẩm bẩm:

– Ta cứ chộp mắt một tí trên bãi cỏ này. Khi trời mát xuống ta sẽ chạy tiếp cũng chẳng muộn gì!

Thế rồi nó dặng chân, duỗi tay, nhắm mắt ngủ ngon lành. Một lúc sau, con rùa ì ạch bò tới. Nó bỏ qua chỗ con thỏ đang ngủ say, rồi đến được mức cuối. Tiếng reo hò náo nhiệt. Lúc đó, con thỏ vừa mở mắt. Biết mình thua cuộc, thỏ xấu hổ trốn vào rừng.

(<https://sites.google.com/site/158truyenngungonaesop/131---150>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Truyện “Thỏ và rùa” thuộc thể loại nào?(1)

- A. Truyện cổ tích. B. Truyện đồng thoại. C. Truyện thuyết. D. Ngụ ngôn.

Câu 2. Câu chuyện trong tác phẩm được kể bằng lời của ai?(2)

- A. Lời của nhân vật Thỏ. B. Lời của người kể chuyện.
C. Lời của nhân vật Rùa. D. Lời của nhân vật cáo.

Câu 3. Truyện “Thỏ và rùa” kể theo ngôi thứ mấy?(3)

- A. Ngôi kể thứ nhất.
B. Ngôi kể thứ hai.
C. Ngôi kể thứ ba.
D. Ngôi kể thứ tư.

Câu 4. Nhận xét nào sau đây đúng với truyện *Thỏ và Rùa*?(4)

- A. Giải thích nguyên nhân của sự chủ quan, kiêu ngạo.
B. Ca ngợi tình cảm cộng đồng bền chặt, sự chăm chỉ, nỗ lực.
C. Bài học về cách nhìn sự việc, cách ứng xử của con người.
D. Giải thích nguyên nhân sự chăm chỉ và tự tin của rùa.

Câu 5. Truyện xoay quanh sự việc nào? (5)

- A. Thỏ và rùa thách nhau chạy thi.
B. Thỏ khinh thường rùa chậm chạp.
C. Rùa cần mẫn chăm chỉ nỗ lực thi chạy.
D. Cuộc thi chạy giữa thỏ và rùa.

Câu 6. Hành động của thỏ trong tác phẩm thể hiện tính cách gì?(6)

- A. Kiêu ngạo, chủ quan.
B. Khinh thường, nhanh nhẹn.
C. Chủ quan, chậm chạp.
D. Tự tin, nhanh nhẹn.

Câu 7. Xác định nghĩa của phó từ “đã, đang, vẫn, cứ” trong văn bản?(7)

- A. Chỉ thời gian, sự tiếp diễn.
B. Chỉ không gian, sự tiếp diễn.
C. Chỉ thời gian, sự phủ định.
D. Chỉ thời gian, kết quả.

Câu 8. “Ngày xưa, một hôm, một lúc sau, lúc đó” có ý nghĩa gì?(8)

- A. Trạng ngữ chỉ thời gian, cách thức trong truyện.
B. Trạng ngữ chỉ thời gian, không gian trong truyện.
C. Trạng ngữ chỉ nơi chốn, cách thức trong truyện.
D. Trạng ngữ chỉ thời gian, nguyên nhân trong truyện.

Câu 9. Thông điệp cuộc sống mà văn bản gợi cho em là gì?(9)

Câu 10. Có bạn cho rằng: bài học vẫn không có gì thay đổi, nếu thay hai nhân vật thỏ và rùa trong truyện bằng hai nhân vật đều là thỏ hoặc hai nhân vật đều là rùa chạy thi với nhau; và vì một lí do nào đó, con vật tưởng yếu hơn, chậm hơn đã giành chiến thắng. Em có đồng ý như vậy không? Vì sao?(10)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nêu cảm nghĩ về một người thân của em

Đề 04

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau .

“...Anh đội viên thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ.

Lặng yên bên bếp lửa
Vẽ mặt Bác trầm ngâm
Ngoài trời mưa lâm thâm
Mái lều tranh xơ xác.

Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người Cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm.”[...]

(Trích bài thơ “Đêm nay Bác không ngủ” – Minh Huệ)

Trả lời từ câu 1 đến câu 8 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1. Văn bản trên được viết theo thể thơ nào ?

- A. Thể thơ tự do
- B. Thể thơ năm chữ**
- C. Thể thơ sáu chữ
- D. Thể thơ bảy chữ

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên?

- A. Biểu cảm**
- B. Nghị luận
- C. Miêu tả
- D. Tự sự

Câu 3. Trong khổ thơ sau có mấy từ láy :

“Lặng yên bên bếp lửa
Vẽ mặt Bác trầm ngâm
Ngoài trời mưa lâm thâm
Mái lều tranh xơ xác”.

- A. 1
- B. 2
- C. 3**
- D. 4

Câu 4. Tâm trạng của anh đội viên biểu hiện như thế nào trong đoạn thơ trên?

- A. Ngạc nhiên, lo lắng
- B. Ngạc nhiên, ái ngại
- C. Ngạc nhiên, thương cảm.**
- D. Hốt hoảng, bồi hồi.

Câu 5. Nghĩa của từ “ trầm ngâm ” được hiểu như thế nào?

- A. Có dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì
- B. Ngồi lặng yên, suy nghĩ.
- C. Ngồi lặng lẽ, không cử động.
- D. Ngồi im, buồn rầu.

Câu 6. Thêm trạng ngữ phù hợp cho câu sau : *Anh đội viên thức dậy.*

- A. Rất sớm
- B. Nửa đêm**
- C. Rất khuya
- D. Đang đêm

Câu 7. Nội dung chính của đoạn thơ trên là gì ?

- A. Tâm trạng của anh đội viên trong lần đầu thức giấc.
- B. Tình cảm của Bác dành cho đất nước, dân tộc.
- C. Hình ảnh của Bác và tâm trạng của anh đội viên trong lần đầu thức giấc.**

D. Tình cảm của anh đội viên dành cho Bác.

Câu 8. Hình ảnh “ Người Cha” trong câu thơ “ Người Cha mái tóc bạc” được hiểu như thế nào ?

- A. Là Bác Hồ, Bác được ví như người cha yêu thương chăm sóc che chở cho các anh đội viên.
- B. Là người trực tiếp cung cấp tinh trùng trong quá trình thụ tinh nhằm tạo ra một cơ thể mới qua quá trình mang thai và sinh nở của người mẹ.
- C. Là người đàn ông có con, trong quan hệ với con.
- D. Là người đàn ông đã lớn tuổi.

Trả lời câu hỏi:

Câu 9. Em có suy nghĩ gì về hình ảnh của Bác trong đoạn thơ trên?

Câu 10. Qua đoạn thơ trên, em sẽ làm gì để thể hiện lòng kính yêu đối với Bác?

PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (4.0 điểm)

Viết bài văn biểu cảm về một thầy, cô giáo mà em yêu quý.

Môn: LỊCH SỬ-ĐỊA LÝ

Phần Lịch sử

Câu 1: em hãy nêu những thành tựu văn hóa tiêu biểu khu vực Đông Nam Á từ nửa sau thế kỷ X đến nửa đầu thế kỷ XVI?

Nội dung	Thành tựu văn hóa
Tín ngưỡng tôn giáo	
Chữ viết văn học	
Kiến trúc điêu khắc	

Câu 2: Trình bày sự phát triển và thịnh vượng về tổ chức nhà nước, kinh tế-xã hội, ngoại giao của vương quốc Lào thời Lang Xang?

Câu 3: Các nét tiêu biểu về: Chữ viết, Đời sống tinh thần, kiến trúc của vương quốc Lào?

Câu 4: Sự phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia thời Ăng-co?

Câu 5: Các nét tiêu biểu về Tín ngưỡng tôn giáo Chữ viết kiến trúc điêu khắc của Vương quốc Cam-pu-chia?

Phần Địa lý

Câu 1: Trình bày được đặc điểm vị trí địa lý, hình dạng và kích thước châu Âu.

Câu 2: Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu, đặc điểm phân hoá khí hậu; xác định được trên bản đồ các sông lớn; các đới thiên nhiên.

Câu 3: Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.

Câu 4: Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.

Câu 5: Trình bày được đặc điểm vị trí địa lý, hình dạng và kích thước châu Á.

Câu 6: Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á, ý nghĩa của đặc điểm này đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.

Câu 7: Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Á.

Câu 8: Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.

Câu 9: Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.

Môn: TIẾNG ANH

A. SUMMARY OF LESSONS

I. Pronunciation

- **UNIT 1:** Nội dung phát âm học trong bài: /i/ and /i:/ . Phát âm của từ vựng đã học (trọng âm của từ đã học).
- **UNIT 2:** Các âm được học: /æ/ and /e/. Phát âm của từ vựng đã học (trọng âm của từ đã học).
- **UNIT 3:** Words that rhyme. Phát âm của từ vựng đã học (trọng âm của từ đã học).



- **UNIT 4:** Silent letters. Phát âm (trọng âm) của từ vựng đã học

II. Vocabulary

- **UNIT 1:**

Adjectives: terrible, awesome, fantastic

Age groups: pensioner (s), middle-aged people, teenager(s)

Culture: be a couch potato, to have square eyes (implicit vocab)

Conversational language: not right now, to be honest, I've no idea, no way, come on, hold on (implicit vocab)

Like/Dislike: be into sth, be a big fan of sth, be interested in sth, be passionate about sth

News and entertainment: action film(s), horror film(s), science fiction (sci-fi) film(s), romantic film(s), cartoon, comedy, ballet, salsa, rock, classical music, weather forecast, game show, reality show, film/game review, comics, celebrity, to play musical instrument (guitar, violin,...) , screening

- **UNIT 2:**

Clothes and footwear: boots, dress, hoodie, jacket, jeans, pyjamas, shirt, shoes, sweater, T-shirt, tracksuit, trainers, underwear.

Accessories and body art: baseball cap, belt, glasses, handbag, necklace, scarf.

Clothes adjectives: plain/ checked (T-shirt), striped / checked (shirt), baggy / tight (jeans), cotton / woolly (hat).

Personality adjectives: big-headed, hard-working, outgoing, cheerful, bossy, helpful, quiet, untidy, chatty, moody, rude, kind, happy

Verbs / Phrasal verbs: get excited; plan (a trip); take care of; get ready (for sth); brush the hair/ teeth; drink tea/ coffee; go gardening, take part in

Conversational language: What do you wear when you go to ____? - I (usually) wear ____; Catch you later!; See you!; I don't get it; You're kidding!; Cool!; Poor you!; Well-done!; Good for you!; Awesome!; Great!; That's terrible!; What a pity!; No way!; Amazing!

- **UNIT 3:**

Animals: parrot, rabbit, tortoise, chicken, cow, donkey, bear, chimp, elephant, kangaroo, tiger, zebra, bee, butterfly, fly, penguin, shark, snake, flamingo

Animals' body parts: claw, feather, fur, mouth, tail, wing

Teenage behaviors: adolescent, adulthood, behave, behavior, dangerous, (Implicit)

Looking after pets: feed, take it for a walk, wash it, train it, take it to the vet's, empty its litter tray, brush its fur, cute, dirty, noisy, lively (Implicit)

Biography: TV presenter, animal expert (Implicit)

Conversational language:

1. I'm (really / so) sorry / It's all my fault / I feel terrible / I apologize / It was an accident

2. Never mind / No problem / It's not your fault

3. How can you be so careless? / I'll never forgive you / I'm really angry about that (Implicit)

- **UNIT 4: Parts of the body:** ankle, elbow, eye, eyebrow, toes, shoulder, knee, neck, lips, finger, stomach, skin, heart, brain, muscle, face

Adv: regularly, every + N,

Food and drinks: crisps, chocolate bars, nuts, sandwiches, soup, juice, banana, vegetables, energy drink

Symptoms and illnesses: feel sick/ ill, headache, stomachache, toothache, sore throat, high temperature, cough, sneeze, hay fever, flu, cold (n), allergy, aspirin, tablet, make an appointment, be allergic to, medicine, decay (v)

Phrasal verb: get up, pick up, find out, take up, give up, go on, look after, get over, warm up,

Implicit vocab: healthy, fall asleep, feel tired, sleepy, kiwi fruit, spring roll, surf the internet, important, stay in bed, lunch, dentist, decide, immediately

Conversational language: Help yourself!, I see, Just the usual

III. Grammar

UNIT 1: Present simple tense with action verbs (habits, like and dislike)

S + V(s/es)

S + do/does + not +bare infinitive

Q: Do/Does + S + V?



A: Yes, S + do/does; No, S + do/does not.

Wh questions

Adverb of frequency

Adv + action V

To be + adv + action V

UNIT 2: Present Simple: Use present simple to talk about **facts and routines**

->Question form

What do you usually wear when you go to bed?

What does Kim usually do after school?

Present Continuous: Use present continuous to talk about **things happening at the moment of speaking** and/ or **things happening around but maybe not at the moment of speaking**

->Affirmative: S + am/is/are + V-ing

->Negative: S + not + am/is/are + V-ing

->Question form:

Yes/ No questions: Am/ Is/ Are + S + V-ing?

Wh- questions: Wh- words + am/ is/ are + V-ing?

Time expressions: now, at the moment, today, these days, this week / month.

I prefer something, I think sth is + adj, I can (implicit), I feel + adj + when + clause, like / don't like + V-ing

UNIT 3: Past Simple: was/were

Past Simple: regular verbs

Using was/were and past simple regular verbs to talk about the past

UNIT 4: Countable and uncountable nouns

Quantifiers: some, a lot of, many, much, any

Past simple tense with some irregular verbs (FORM): go, drive, get, find, say, eat, tell, take, make, loose, feel, drink, drive, break, do

Affirmative: S + V_{qk}

Negative: S + did not/ didn't + V_{bare}

Questions: Did + S + V_{bare}? – Yes, S did./ No, S did not.

Wh-questions did + S + V_{bare} ?

Implicit: yesterday, last -signal words

IV. LISTENING

UNIT 1: Identify specific details

Genre: conversation

Topic: media habits (the types of radio programme people like)

UNIT 2: Identify specific details

Genre: Conversation

Topic: Personalities

UNIT 3: Listening for specific details

Genre: Conversation

Topic: Pets

UNIT 4: Listening for details

Genre: conversation

Topic: illnesses

V. SPEAKING

UNIT 1: Buy a ticket at the cinema (with provided thematic vocabulary and expressions)

UNIT 2: Give and respond to news

UNIT 3: Make and respond to apologies

UNIT 4: Talk about illnesses and ask about how someone is feeling

B.PRACTICE

TEST 1

I. PRONUNCIATION

A. Choose the word whose underlined part is pronounced differently.

1. A. sing

B. wing

C. believe

D. comic

2. A. cap

B. chatty

C. tracksuit

D. leather

3. A. know B. knife C. knee D. keep

B. Choose the word that has a different stressed syllable from the rest.

4. A. zebra B. feather C. parrot D. behave
5. A. medicine B. fantastic C. passionate D. energy

II. GRAMMAR AND VOCABULARY

A. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentences.

6. I am really into scary stories, so I usually watch _____ films.
A. horror B. romantic C. sci-fi D. action
7. Tommy is really _____. He always talks a lot when we go out together.
A. moody B. chatty C. helpful D. bossy
8. Lan: What time _____ your sister usually get up?
Mai: She often _____ up at 7 o'clock.
A. do / gets B. does / gets C. do / go D. does / get
9. Look! It's a _____. It's got colorful feathers and it can talk.
A. parrot B. duck C. butterfly D. donkey
10. Son: _____ your parents _____ the gardening at the moment?
Hoang: Yes, they _____. You can see them in the backyard.
A. Is - doing - is B. Are - doing - are C. Aren't - doing - aren't D. Isn't - doing - isn't
11. My friends are _____ part in a tournament this month.
A. doing B. taking C. making D. getting
12. I usually _____ breakfast at 7 a.m., but yesterday I _____ breakfast at 8 a.m.
A. has / have B. have / had C. had / had D. had / has
13. Harry got a/an _____ because he ate too much last night.
A. sore B. headache C. stomachache D. allergy
14. Last week, Linh _____ too much chocolate, so she had a toothache.
A. eat B. eats C. ate D. to eat
15. Trung _____ at home yesterday. He _____ at his friend's house to attend a birthday party.
A. wasn't - were B. weren't - were C. wasn't - was D. weren't - was

IV. READING

Read the following passage and choose the letter A, B, C, or D to indicate the correct word or phrase that best fits each of the corresponding blanks.

My friend, Nam, had a few problems with his health. He didn't feel well, and he told his parents about that. His mom said, "You should eat more vegetables and shouldn't eat junk food every day." His dad said, "You shouldn't stay (31) _____ so late at night." He also phoned me and told me about the problem. I told him to (32) _____ an appointment with the doctor.

He didn't go to school last week. He went to see the doctor and the doctor said, "You should stay at home for a week. Don't play so (33) _____ computer games".

At school today, he looked sad. We asked him, "What's (34) _____? You should be happy. You weren't here last week."

Ben is (35) _____ his homework from last week. He's not happy at all.

16. A. out B. in C. away D. up
17. A. do B. make C. play D. take
18. A. many B. much C. lot D. lots
19. A. bad B. trouble C. matter D. wrong
20. A. doing B. making C. playing D. taking

V. WRITING

A. Reorder the following words to make meaningful sentences.

21. Vitamins / our diet. / important / play / role / in / an /

→ _____

22. My uncle / looking / zoo. / a zebra / for / his / is / for /

→ _____

23. An / parents / hat. / tell / An's / to / wear / his / wooly / sometimes /

→ _____

B. Rewrite the sentences so that they have the same meaning.

24. Chi likes dogs more than cats. (PREFER)

→ _____

25. Nowadays, kids watch TV too much. (EYES)

→ _____

26. I went to bed late to watch a film last night. (UP)

→ _____

27. I have an allergy to animal fur. (ALLERGIC)

→ _____

28. Mrs. Ha has two fifteen-year-old twins.. (ADOLESCENT)

→ _____

TEST 2

I. PRONUNCIATION

A. Choose the word whose underlined part is pronounced differently.

- | | | | |
|------------|----------|-------------|----------|
| 1. A. fly | B. shy | C. sky | D. hurry |
| 2. A. bear | B. chair | C. cheerful | D. there |
| 3. A. zoo | B. blue | C. good | D. shoe |

B. Choose the word that has a different stressed syllable from the rest.

- | | | | |
|----------------|-------------|-------------|-----------|
| 4. A. chicken | B. kangaroo | C. elephant | D. donkey |
| 5. A. tortoise | B. feather | C. zebra | D. behave |

II. VOCABULARY & GRAMMAR

A. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentences.

6. We have a small cat. Sometimes we _____ its fur and _____ it for a walk.
A. brushes/ takes B. brush/ take C. take/ brush D. take/ take
7. This cat is dangerous. She has very sharp _____.
A. wings B. claws C. fur D. mouth
8. This type of bird has very long and thick _____.
A. feather B. mouth C. eye D. fur
9. Bees can beat their _____ 200 times each second.
A. legs B. wings C. feather D. claw
10. “_____ you at home yesterday?” - “No, I _____”
A. Were/was B. Weren’t/was C. Were/were D. Were/wasn’t
11. This _____ is so beautiful. Look at her colorful wings!
A. chimps B. tiger C. butterfly D. fly
12. “_____ the city center busy yesterday?” - “No, it _____.”
A. Was/was B. Was/wasn’t C. Were/weren’t D. Were/wasn’t
13. You can say anything and a _____ can copy it.
A. parrot B. donkey C. rabbit D. chickens
14. I do not like kids because they always _____ a lot of noise.
A. do B. make C. takes D. talk
15. “What is the _____ eating?” - “She’s eating carrots. It’s her favorite food”
A. kangaroo B. rabbit C. penguin D. fly
16. There’s a big _____ in the city. Be very careful!
A. elephant B. chimp C. zebra D. butterfly
17. Steve Irwin _____ famous. Many people watched his TV shows about chimps.
A. was B. wasn’t C. were D. weren’t
18. This man _____ rich. He had a lot of money. However, he _____ happy with his life.
A. was/was B. was/wasn’t C. were/weren’t D. were/were
19. I love touching my cat because her _____ is so soft.
A. feather B. fur C. legs D. eye
20. Last week, I _____ excited to get a new parrot, but my parents _____.
A. was/were B. were/wasn’t C. was/wasn’t D. was/weren’t
21. Don’t eat that type of fish! You may have a/an _____.
A. sickness B. decay C. energy D. allergy



22. Mom: "What's going on?" An: Nothing _____. Don't worry.
A. much B. many C. any D. some
23. Rob gets a _____ of 39.5° C.
A. high B. high temperature C. sore throat D. terrible pain
24. Nam doesn't have _____ time for lunch.
A. some B. many C. few D. much
25. My arm always _____ after a game of tennis.
A. hurts B. burns C. pains D. sores
26. Give me _____ medicine, please.
A. some B. any C. few D. many
27. What time _____ you _____ up last morning?
A. do- get B. does- get C. did- get D. did- got
28. Yesterday morning, I _____ a cup of fruit juice.
A. drinks B. drunk C. drank D. am drinking
29. My mother _____ to work yesterday.
A. drive B. driven C. is driving D. drove
30. Don't eat so quickly. You'll get a (an) _____.
A. toothache B. headache C. stomachache D. sore
31. The bottle was not empty. _____ juice was left.
A. Some B. Any C. Few D. Many
32. Linh: "I have a _____." Mom: "That's because you watch too much TV."
A. toothache B. headache C. stomachache D. sore
33. We _____ stay in bed last weekend.
A. are not B. do not C. did not D. does not
34. "I have a (an) _____." – "Why don't you call the dentist?"
A. toothache B. headache C. stomachache D. sore
35. How _____ sweets do you want?
A. some B. many C. few D. much

III. READING

A. Read the article and decide which statement is True (T), False (F) or Not Given (NG).

Humans have their teenage years and so do cats. In the cat's world, teenage is not always easy. In humans, difficult teenage years happen between the age of 18 to 20. However, cats' time is usually between 6 or 10 months old. For different sexes, behaviors are different. Teenage boys like taking risks. 'Teenage boy' cats often scratch the furniture. 'Teenage girl' cats can attack others even if they live together in the same house. However, some owners do not know about this. Unfortunately, they sell their cats or give them away when this happens. But if you know, this will help a lot. The number one thing to do is showing love to your cats when they behave well. You can do this by feeding them or giving them more attention. Training your cat is also important. Some cats forget things that they did when they were kittens, such as using their litter tray.

36. Teenage years in cats start from 6 years old.
37. Behaviors between teenage boy cats and teenage girl cats are the same.
38. Expressing love to your cats is the best way to help teenage cats.
39. It is not important to train cats when they are kittens.
40. When cats are in their teenage years, some forget how to use the litter tray.

IV. WRITING

A. Use the given words or phrases to make complete sentences.

41. I / picked / terrible / cold.

→ _____

42. What / you / have / lunch / yesterday ?

→ _____

43. Lan / took / tennis / keep fit.

→ _____

44. you / eat / too many / sweets?

→

45. My brother / want / give / smoking.

→

46. Last summer, / I / not / warm up / before / sports / and / hurt / ankle



BÀI 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG

1. Tìm hiểu thế nào là truyền thống quê hương

Truyền thống quê hương là những giá trị tốt đẹp, riêng biệt của một vùng miền, địa phương, được hình thành và khẳng định qua thời gian, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Những truyền thống tốt đẹp của quê hương: Yêu nước, đoàn kết, hiếu học, lao động cần cù sáng tạo, yêu thương con người, hiếu thảo; các lễ hội văn hóa truyền thống, ...

2. Nội dung giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

Truyền thống tôn sư trọng đạo, yêu thương con người, một số món ăn là đặc sản của vùng miền. Những truyền thống đó đã nói lên đặc trưng của những nét văn hóa từng quê hương, vùng miền; góp phần làm phong phú thêm truyền thống dân tộc.

- Để giữ gìn truyền thống quê hương mỗi người cần:

Siêng năng kiên trì học tập và rèn luyện, đoàn kết giúp đỡ nhau, chủ động và tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng, góp phần vào sự phát triển của quê hương.

Bài 2: QUAN TÂM, CẢM THÔNG VÀ CHIA SẺ

1. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ

- Quan tâm là thường xuyên chú ý đến người khác.
- Cảm thông là đặt mình vào vị trí của người khác, nhận biết và hiểu được cảm xúc của họ.
- Chia sẻ là sự đồng cảm, san sẻ với người khác khi gặp khó khăn, hoạn nạn theo khả năng của mình.

2. Biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ

1. Biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ: Quan tâm, giúp đỡ thông cảm, sẻ chia, biết tha thứ, biết hi sinh vì người khác, ...

2. Biểu hiện trái với quan tâm, cảm thông và chia sẻ: Nhỏ nhen, ích kỷ thờ ơ trước những khó khăn và đau khổ của người khác, bao che cho điều xấu, vô cảm, vụ lợi cá nhân, đánh đập, sỉ nhục người khác.

3. Ý nghĩa

- Quan tâm, cảm thông và chia sẻ có ý nghĩa trong đời sống xã hội hiện nay. Qua đó, chúng ta có thể hỗ trợ, giúp đỡ và thấu hiểu lẫn nhau.

BÀI 3: HỌC TẬP TỰ GIÁC, TÍCH CỰC

1. Biểu hiện của học tập tự giác, tích cực

Biểu hiện nào thể hiện sự tự giác, tích cực trong học tập: có mục tiêu học tập rõ ràng; chủ động lập kế hoạch học tập để đạt được mục tiêu đã lập ra; hoàn thành nhiệm vụ học tập mà không cần ai nhắc nhở; luôn cố gắng, vượt khó, kiên trì học tập; có phương pháp học tập chủ động; biết vận dụng điều đã học vào cuộc sống.

2. Ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực

Tự giác, tích cực trong học tập giúp chúng ta chủ động, sáng tạo và không ngừng tiến bộ trong học tập; đạt được kết quả và mục tiêu học tập đã đề ra; được mọi người tin tưởng, tôn trọng và quý mến.

BÀI 4: GIỮ CHỮ TÍN

1. Thế nào là chữ tín?

- Chữ tín là niềm tin của con người đối với nhau.
- Giữ chữ tín là giữ niềm tin của người khác đối với mình.

2. Biểu hiện của giữ chữ tín và không giữ chữ tín.

a. Biểu hiện của giữ chữ tín:

- Thực hiện lời hứa
- Hoàn thành công việc đúng hạn đã giao.



- Khiến người khác tin tưởng
- b. Biểu của không giữ chữ tín:
 - Không thực hiện lời hứa.
 - Hoàn thành công việc sai hạn được giao.
 - Làm mất niềm tin ở người khác

3. Ý nghĩa của việc giữ chữ tín

- Giữ chữ tín sẽ giúp cho chúng ta mang đến niềm tin và hi vọng cho mọi người, được mọi người tin tưởng và tôn trọng, góp phần làm cho các mối quan hệ xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

BÀI 5: BẢO TỒN DI SẢN VĂN HOÁ

- Di sản văn hóa là tinh hoa, giá trị của dân tộc mà trải qua hàng ngàn năm, bao thế hệ cha ông đã tạo dựng giữ gìn. Di sản văn hóa có sức mạnh thôi thúc chúng ta không ngừng phát triển, sáng tạo để tiếp tục bồi đắp thêm những giá trị mới cho hôm nay và mai sau.
- Một số di sản văn hóa nổi tiếng của nước ta như : Nhã nhạc cung đình Huế, Cố đô Huế Hạ Long....
- Di sản văn hóa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là tài sản của quốc gia dân tộc, mang ý nghĩa sâu sắc về truyền thống của dân tộc, công lao to lớn của các thế hệ cha ông ta, cần được giữ gìn và phát huy những di sản mang đậm bản sắc dân tộc để các thế hệ sau luôn biết ơn và trân trọng những giá trị ấy.
- Điều 14. Tổ chức, cá nhân có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 1. Sở hữu hợp pháp di sản văn hóa;
 2. Tham quan, nghiên cứu di sản văn hóa;
 3. Tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
 4. Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất;
 5. Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hóa.
- Là một học sinh, để bảo vệ, giữ gìn những di tích lịch sử, di sản văn hoá và danh lam thắng cảnh các em cần làm những việc sau:
 - + giữ gìn sạch sẽ các di sản văn hóa, địa phương.
 - + đi tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, di sản văn hóa.
 - + không vứt rác bừa bãi.
 - + tố giác kẻ gian ăn cắp các cổ vật di vật.
- Phê phán những hành động làm tổn hại di sản văn hóa của quê hương.

BÀI 6: ỨNG PHÓ VỚI TÂM LÝ CĂNG THẲNG

- Căng thẳng tâm lý là những gì mà con người cảm thấy khi họ đang chịu áp lực về tinh thần, thể chất hoặc tình cảm. Những người trải qua mức độ căng thẳng tâm lý cao hoặc trải qua nhiều lần trong một thời gian dài có thể phát triển các vấn đề về sức khỏe (tinh thần và/hoặc thể chất).
- Các tình huống: bị tẩy chay, bị bắt nạt, thay đổi chỗ ở, áp lực học tập...
- Một số biểu hiện: Một mối, chán ăn, đau đầu, khó ngủ, buồn nôn, tức ngực, khó thở, hoa mắt, chóng mặt
- Nguyên nhân:
 - + Bên ngoài: Áp lực học tập, mối quan hệ bạn bè, kì vọng của gia đình..
 - + Bên trong: Tâm lý tự ti, suy nghĩ tiêu cực, lo lắng thái quá, các vấn đề sức khỏe.



I. Trắc nghiệm.

Câu 1: Máy in là loại thiết bị nào.

- | | |
|----------------------------|----------------------|
| A. Thiết bị vào | B. Thiết bị ra. |
| C. Thiết bị vừa vào vừa ra | D. Thiết bị lưu trữ. |

Câu 2: Thiết bị nào chuyển dữ liệu âm thanh từ máy tính ra ngoài

- | | |
|------------|----------|
| A. Máy ảnh | B. Micro |
|------------|----------|

C. Màn hình

D. Loa

Câu 3: Trong những thao tác sau thao tác nào thực hiện không đúng cách gây ra lỗi cho thiết bị:

- A. Rút điện trước khi lau dọn máy tính
- B. Đóng mọi tài liệu và ứng dụng trước khi tắt máy tính.
- C. Tắt máy tính bằng cách ngắt điện đột ngột.
- D. Sử dụng nút lệnh Shut down để tắt máy tính.

Câu 4: Mật khẩu mạnh thường là dãy mật khẩu có đặc điểm ra sao?

- A. Dài ít nhất 8 kí tự
- B. Bao gồm cả chữ số, chữ in hoa, chữ thường và các kí hiệu đặc biệt như:@, #...
- C. Không phải là một từ thông thường
- D. Tất cả các đáp án đều đúng.

Câu 5: Phương án nào sau đây là phần mở rộng của tệp dữ liệu âm thanh:

- A. .sb3.
- B. .mp3.
- C. .avi.
- D. .com

Câu 6 : Trong những Website sau website nào là mạng xã hội?

- A. <https://lazada.vn>
- B. <https://Facebook.com>
- C. <https://dantri.com.vn>
- D. <https://user.vn.edu.vn>

Câu 7: Thảo là bạn của Vân, có lần Vân gửi cho Thảo ảnh chụp thẻ học sinh để nhờ Thảo làm thủ tục đăng kí tham gia Câu lạc bộ Tin học. Sau đó, trong một lần tranh luận trên mạng xã hội về của thẻ căn cước công dân, Thảo đã vô tình đưa tấm ảnh đó lên. Mặc dù ngày hôm sau Thảo đã xóa đi, nhưng một thời gian sau có kẻ sử dụng những thông tin trên thẻ căn cước công dân để mạo danh Vân lừa đảo người thân của cô một số tiền lớn. Em hãy cho biết phát biểu đâu là đúng:

- A. Thảo đã công khai thông tin cá nhân của Vân khi chưa được Vân cho phép.
- B. Vì Vân chủ động gửi bức ảnh cho Thảo nên Thảo có quyền công khai nó.
- C. Ảnh chụp không phải là bản gốc, dù có đưa lên mạng cũng không sao.
- D. Kẻ mạo danh Vân có tội, Thảo không cố ý nên không có lỗi gì cả.

Câu 8: Tác hại của nghiện Internet?

- A. Biết được nhiều trang thông tin trên mạng.
- B. Biết được các trò chơi trực tuyến.
- C. Dễ cáu gắt, lảm lý, ít nói.
- D. Dễ quên biết các bạn trên mạng.

Câu 9: Trang web nào sau đây không nên truy cập và chia sẻ trên Internet?

- A. Các trang báo thể thao 24h.
- B. Các trang báo phản động của nước ngoài.
- C. Trang thông tin pháp luật.
- D. Trang dự báo thời tiết.

Câu 10: Vị trí giao của một hàng và một cột được gọi là:

- A. Ô tính
- B. Trang tính
- C. Hộp địa chỉ
- D. Bảng tính

Câu 11: Các hàng của trang tính được đặt tên theo:

- A. Các chữ cái in hoa: A, B, C, ...
- B. Các số: 1, 2, 3, ... theo thứ tự từ trên xuống dưới.
- C. Các kí tự đặc biệt.
- D. Không có tên.

Câu 12: Các cột của trang tính được đặt tên theo:

- A. Các chữ cái in hoa: A, B, C, ... theo thứ tự từ trái sang phải.
- B. Các số: 1, 2, 3, ... theo thứ tự từ trên xuống dưới.
- C. Các kí tự đặc biệt.
- D. Không có tên.

Câu 13: Để chọn (Đánh dấu) một ô, ta cần:

- A. Nháy chuột vào tên hàng cần chọn.
- B. Nháy chuột vào tên cột cần chọn.
- C. Nháy chuột vào ô cần chọn.
- D. Kéo thả chuột.

Câu 14: Có mấy bước để nhập dữ liệu?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4



Câu 15: Để định dạng kiểu chữ in đậm, ta sử dụng tổ hợp phím nào?

- A. Ctrl + A
- B. Ctrl + I
- C. Ctrl + B
- D. Ctrl + E

Câu 16: Đầu không là chức năng của phần mềm bảng tính?

- A. Lưu lại và trình bày thông tin dưới dạng bảng.
- B. Thực hiện các tính toán.
- C. Xây dựng các biểu đồ biểu diễn một cách trực quan các số liệu trong bảng.
- D. Chỉnh sửa ảnh.

Câu 17: Kí hiệu phép nhân và phép chia trong chương trình bảng tính kí hiệu là:

- A. Dấu “.” và “:”
- B. Dấu “.” và “/”
- C. Dấu “*” và “:”
- D. Dấu “*” và “/”

Câu 18: Trên trang tính, muốn nhập dữ liệu vào ô tính, đầu tiên ta thực hiện thao tác:

- A. Nháy chuột chọn hàng cần nhập.
- B. Nháy chuột chọn cột cần nhập.
- C. Nháy chuột chọn khối ô cần nhập.
- D. Nháy chuột chọn ô cần nhập.

Câu 19: Trong màn hình Excel, ngoài bảng chọn File và các dải lệnh giống Word thì màn hình Excel còn có:

- A. Trang tính, thanh công thức.
- B. Thanh công thức, các dải lệnh Formulas.
- C. Các dải lệnh Formulas và bảng chọn Data.
- D. Trang tính, thanh công thức, các dải lệnh Formulas và bảng chọn Data.

Câu 20: Em có thể thực hiện những phép tính nào?

- A. Phép cộng.
- B. Phép trừ
- C. Phép nhân, phép chia
- D. Phép cộng, phép trừ phép nhân, phép chia.

Câu 21: Cho bảng tính chứa dữ liệu như sau: Trong các công thức sau, công thức nào để tính diện tích hình chữ nhật đã cho trong bảng?

	A	B	C
1	Thông tin hình chữ nhật		
2	Chiều dài	5,2	
3	Chiều rộng	10,5	
4	Chu vi		
5	Diện tích		
6			

- A. = B2*B3
- B. = A2*A3
- C. = B2*A3
- D. = A2*B3

Câu 22: Sắp xếp các bước Nhập công thức trong ô tính của bảng tính

1. Chọn ô tính
2. Gõ công thức
3. Nhập dấu bằng (=)
4. Gõ phím Enter để hoàn thành nhập công thức

- A. 1-2-3-4
- B. 1-3-2-4
- C. 1-4-3-2
- D. 1-3-4-2

Câu 23: khi sao chép công thức từ ô C2 = B2 * 12000 sang ô C3, công thức sẽ được tự động thay đổi thành

- A. = B3 * 12000
- B. = C3 * 12000
- C. = B3 * C3
- D. = B3 /12000

Câu 24: Trong phần mềm bảng tính, kết quả của phép tính: C2:= 5 * (4 – 2)

- A. -10
- B. 8
- C. 10
- D. 18

Câu 25: Mỗi hàm trong bảng tính sẽ được xác định bởi

- A. Tên hàm, các tham số
- B. Tên hàm
- C. Các tham số
- D. Tên hàm, các tham số, ký hiệu đặc biệt

Câu 26: Lỗi #VALUE! có ý nghĩa là gì?



- A. Dữ liệu sau khi tính toán quá lớn
- B. Vùng dữ liệu là dữ liệu dạng số
- C. Công thức nhập vào không đúng
- D. Vùng dữ liệu không phải là dữ liệu dạng số

Câu 27: Em hãy chỉ ra phần mềm ứng dụng trong các chương trình sau:

- A. Linux
- B. Gmail
- C. Windows Phone
- D. Windows 8

Câu 28: Để tìm số lớn nhất, số bé nhất trong một vùng dữ liệu thì nên dùng hàm gì?

- A. Max; Sum
- B. Max; Average
- C. Max; Min
- D. Sum; Min

Câu 29. Chức năng nào sau đây không phải của hệ điều hành?

- A. Quản lý các tệp dữ liệu trên đĩa.
- B. Tạo và chỉnh sửa nội dung một tệp hình ảnh.
- C. Điều khiển các thiết bị vào - ra
- D. Quản lý giao diện giữa người sử dụng và máy tính.

Câu 30. Để bảo vệ dữ liệu em có thể sử dụng các cách nào sau đây?

- A. Sao lưu dữ liệu ở bộ nhớ ngoài hoặc lưu trữ trên Internet nhờ công nghệ đám mây.
- B. Cài đặt chương trình phòng chống Virus.
- C. Cài đặt mật khẩu mạnh để truy cập vào máy tính hoặc tài khoản trên mạng
- D. Cả A, B, C

Câu 31: Để bảo vệ máy tính ta có thể sử dụng phần mềm nào trong các phần mềm sau?

- A. Bkav
- B. Microsoft Windows.
- C. Mozilla Firefox.
- D. Microsoft Word.

Câu 32: Phương án nào sau đây là phần mở rộng của tệp dữ liệu âm thanh?

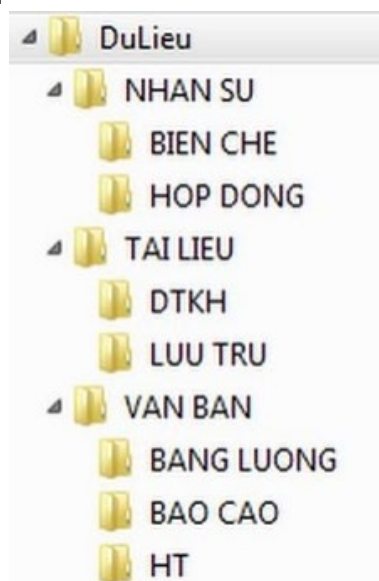
- A. .sb3
- B. .mp3
- C. .avi
- D. .com

II. Tự luận

Câu 1. Nếu một trong những người bạn của em có biểu hiện nghiện trò chơi trực tuyến. Em sẽ làm gì để giúp bạn?

Câu 2: Cho cây thư mục sau:

- a. Nêu thao tác sao chép thư mục HOP DONG vào thư mục LUU TRU.
- b. Nêu thao tác xóa thư mục VAN BAN



1.

Câu 3: Nêu ví dụ về hậu quả của việc sử dụng thông tin vào mục đích sai trái.

Câu 4: Hãy cho biết cách di chuyển khối A6:D6 vào cuối bảng:

	A	B	C	D
1	SỐ HỌC SINH GIỎI KHỐI 7			
2				
3	Lớp	Nam	Nữ	Tổng cộng
4	7A1	15	23	38
5	7A2	20	19	39
6	7A4	18	21	39
7	7A3	21	20	41

Câu 5. Em hãy nêu những lợi ích của mạng xã hội?

Câu 6: Vì sao nói ổ đĩa cứng không phải là thiết bị ngoại vi mặc dù nó có chức năng vào - ra?